

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 12 năm 2021

KẾ HOẠCH

Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2022

Thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về công tác tự kiểm tra, kiểm tra, xử lý văn bản; phân công phối hợp trong rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Kịp thời phát hiện các văn bản quy phạm pháp luật trái, mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ thi hành bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với tình hình của địa phương.

b) Công bố Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực và các danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần, giúp công tác xây dựng, áp dụng, thi hành pháp luật được hiệu quả, thuận tiện, tăng cường tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

2. Yêu cầu

a) Hoạt động rà soát văn bản phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát văn bản; không bỏ sót văn bản thuộc trách nhiệm rà soát; kịp thời xử lý kết quả rà soát; tuân thủ trình tự, thủ tục thực hiện rà soát theo quy định.

b) Hoạt động hệ thống hóa văn bản được tiến hành định kỳ, đồng bộ; kịp thời công bố Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực và các danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần; tuân thủ trình tự, thủ tục hệ thống hóa theo quy định.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đối tượng, phạm vi rà soát, hệ thống hóa

a) Đối tượng, phạm vi rà soát: Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng

nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành **đến hết ngày 31/12/2022**.

b) Đối tượng, phạm vi hệ thống hóa: Văn bản trong Tập hệ thống hóa của kỳ hệ thống hóa trước đã được rà soát xác định còn hiệu lực và các văn bản được ban hành trong kỳ hệ thống hóa hiện tại đã được rà soát xác định còn hiệu lực (ban hành từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022); bao gồm cả văn bản được ban hành trong kỳ hệ thống hóa hiện tại nhưng chưa có hiệu lực; văn bản được tập hợp từ cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia phục vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục rà soát, hệ thống hóa

a) Theo quy định tại Mục 3 Chương IX Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

b) Lập danh mục theo quy định tại khoản 4 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

III. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

1. Rà soát theo định kỳ, theo chuyên đề, lĩnh vực và địa bàn.
2. Hệ thống hóa theo định kỳ và theo yêu cầu quản lý nhà nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm

a) Giám đốc Sở Tư pháp:

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh;

- Đôn đốc, hướng dẫn và tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản;

- Tổng hợp báo cáo về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản năm 2022 của các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Xây dựng kế hoạch rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành mình, gửi về Sở Tư pháp **trước ngày 15 tháng 01 năm 2022**.

- Chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế Hội đồng nhân dân; Giám đốc Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hoá của Ủy ban nhân dân tỉnh, điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật văn bản là căn cứ để rà soát liên quan đến

chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình quy định tại Điều 142 và Điều 145 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để kịp thời rà soát.

- Căn cứ vào chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; kết quả điều tra, khảo sát và thông tin thực tiễn liên quan đến đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản được rà soát có liên quan đến lĩnh vực quản lý Nhà nước do mình quản lý, thì các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xác định các văn bản thuộc trách nhiệm rà soát của mình, để phát hiện các nội dung không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Điều 146 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lập Kế hoạch rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn và tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát văn bản của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh có nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình.

- Người đứng đầu tổ chức pháp chế hoặc đơn vị được giao thực hiện công tác pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa của cơ quan, đơn vị mình.

- Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản năm 2022 và gửi các biểu mẫu rà soát về Sở Tư pháp theo thời gian tại khoản 2 Mục này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Chỉ đạo Trưởng phòng Tư pháp phối hợp các cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kế hoạch thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn năm 2022, gửi về Sở Tư pháp **trước ngày 15 tháng 01 năm 2022.**

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp với Ban pháp chế Hội đồng nhân dân cùng cấp và các cơ quan liên quan lập Kế hoạch và tổ chức thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành có nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình; phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, kiến nghị Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân.

- Chỉ đạo Trưởng phòng Tư pháp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản cấp huyện; báo cáo, công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 2 Mục này.

- Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành; phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, kiến nghị Hội đồng nhân dân xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân cùng cấp; báo cáo, công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 2 Mục này.

2. Chế độ báo cáo và công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản

a) Nội dung báo cáo:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

b) Thời gian báo cáo, gửi các biểu mẫu kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản theo Điều 171 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP:

- Ủy ban nhân dân cấp xã: gửi về Phòng Tư pháp trước ngày **05/01/2023**.
- Các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện: gửi về Sở Tư pháp trước ngày **15/01/2023**.
- Ủy ban nhân dân tỉnh: gửi về Bộ Tư pháp trước ngày **30/01/2023**.

c) Công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản:

Theo quy định tại Điều 157, Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34, 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

3. Kinh phí thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản của cơ quan, tổ chức thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị.

b) Lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Cục Công tác phía Nam - BTP;
- TT. HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Ban pháp chế HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Kho Bạc nhà nước tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, CV;
- Lưu: VT, TCDNC. ĐTL

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Nam